

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lén;
2. Ông Châu Khon Sốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXX- DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp TT, xã TĐ, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Châu Sốc K, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp TT, xã TĐ, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H có mặt; ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Huỳnh Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông K được hình thành là do tự quen biết, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2002, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 11/5/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha, mẹ bà tại ấp TT, xã TĐ. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016 thì bà đi Đồng Nai làm thuê sau đó ông K cũng lên theo, mâu thuẫn vẫn tiếp

tục xảy ra. Nguyên nhân là do ông K không quan tâm đến gia đình, thường xuyên ăn nhậu say xỉn về nhà còn đập phá đồ đạc, chửi bới, xúc phạm bà và không lo làm ăn. Bên cạnh đó ông K còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác bỏ bê vợ con suốt 6 năm nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông K.

Về quan hệ con chung: Bà với ông K có 03 con chung tên: 1/ Huỳnh Thị Thu N, sinh ngày 16/02/2001, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; 2/ Chau T, sinh ngày 09/6/2006; 3/ Chau Ho, sinh ngày 15/5/2015. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông K không có tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông K không có nợ chung;

Bị đơn ông Chau Sóc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông với bà H được hình thành đúng như bà H trình bày, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là ông có ăn nhậu, nhưng đây là mâu thuẫn nhỏ; ông không đánh đập vợ con và cũng không có quen người phụ nữ khác. H ngày ông vẫn đi làm thuê có tiền vẫn đưa cho vợ để nuôi con, chứ không bỏ bê, tình cảm của ông đối với bà H vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà H có 03 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà H trình bày, nhưng nếu như Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông đồng ý giao 2 con Chau T và Chau Ho cho bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và ông xin không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Huỳnh Thị Thu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà H là không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, các bên bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà H – ông K chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà H xin ly hôn là có căn cứ. Về quan hệ con chung: 02 con T và Ho có ý nguyện sống chung với mẹ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Đối với con chung Huỳnh Thị N đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà H khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông K, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông K có địa chỉ cư trú tại xã TĐ, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông K kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2002, hôn nhân có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 11/5/2015 tại UBND xã TĐ, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do ông K không quan tâm đến gia đình, thường xuyên ăn nhậu, kiếm chuyện gây cãi và chửi bới xúc phạm bà, ..., ông K thì không đồng ý ly hôn. Theo đó, HĐXX xét thấy:

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện TT, thể hiện: bà H – ông K thường xuyên gây cãi nhau không chỉ tức thời mà xảy ra thường xuyên trong thời gian dài, chính trường áp là người nhiều lần đứng ra động viên hòa giải, nhưng ông K không sửa chữa mà thường xuyên ăn nhậu và lười lao động, không quan tâm chia sẻ đến cuộc sống gia đình với bà H. Khoảng 6 tháng nay một mình bà H đi làm thuê chăm lo cho 02 con, ông K thì đi đâu không rõ địa chỉ...

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày hai bên tại tòa, xét mâu thuẫn giữa bà H – ông K đã thật sự trầm trọng; đời sống chung là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, 02 con chung Chau T và Chau Ho từ trước nay do bà H nuôi dưỡng, tình cảm giữa bà H với hai cháu đã thật sự gắn bó, ý nguyện của 02 cháu T, Ho là sau khi cha mẹ ly hôn 02 cháu xin được tiếp tục chung sống với mẹ. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của 02 cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao 02 cháu T, Ho cho bà H tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp. Đối với Huỳnh Thị Thu N đã trưởng thành và tự lập nuôi sống bản thân, bà H – ông K cũng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

HĐXX cũng giải thích cho bà H biết: Trong thời gian nuôi con, bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại Tòa bà H không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà H – ông K khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu H được ly hôn với ông Chau Sóc K.

Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Thu H tiếp tục nuôi hai con chung tên: 1/ Chau T, sinh ngày 09/6/2006; 2/ Chau Ho, sinh ngày 15/5/2015. Đối với con chung Huỳnh Thị Thu N, sinh ngày 16/02/2001, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H – ông K không yêu cầu giải quyết

Công nhận tự nguyện của bà Huỳnh Thị Thu H không yêu cầu ông Chau Sóc K cấp dưỡng nuôi con

Bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà H – ông K khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà H – ông K khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010038 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (bà H nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã Tà Đánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ